

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH B DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31-01-2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH B DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tô Văn Nhung;

Bà Hoàng Lệ Chi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh B Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh B Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 524/2022/TLST– HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 249/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2023/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị L, sinh năm 1982; thường trú: 126/8, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh B, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Bùi Thái B, sinh năm 1980; thường trú: 28/7 khu phố Đ, phường D, thành phố D, tỉnh B, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Bùi Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu, bà Bùi Thị L và ông Bùi Thái B tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2007 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Dĩ An, huyện Dĩ An (nay là phường Dĩ An, thành phố Dĩ An), tỉnh B Dương. Việc kết hôn của bà L và ông B là tự nguyện và được hai bên gia đình chấp nhận.

Sau khi kết hôn, bà L và ông B cùng sống chung với gia đình nhà chồng. Vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được khoảng 03 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông B không chịu làm việc, thường xuyên uống rượu, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng ông, bà ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông B.

Về con chung: Quá trình chung sống ông, bà có với nhau 01 con chung là cháu Bùi Thái T, sinh ngày 19/7/2008. Hiện con chung đang sinh sống cùng với bà L. Bà L yêu cầu sau ly hôn con chung sẽ do bà trực tiếp nuôi dưỡng và bà không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Bùi Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Bùi Thái B: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu ông B có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà L nhưng ông B không có ý kiến, đồng thời cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì. Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng yêu cầu ông B tham gia hòa giải vào ngày 09/12/2022 nhưng ông B vắng mặt không có lý do, đồng thời bà L có đơn từ chối hòa giải. Vì vậy, vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng yêu cầu ông B tham gia phiên tòa vào ngày 04/01/2023 và ngày 31/01/2023 nhưng ông B vẫn vắng mặt không có lý do. Như vậy, việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Quá trình tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đối với bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không chấp hành theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa vào các ngày 04/01/2023 và ngày 31/01/2023 nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là đúng với quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa vào ngày 04/01/2023 và ngày 31/01/2023 nhưng

đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị L và ông Bùi Thái B là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Dĩ An, huyện Dĩ An (nay là phường Dĩ An, thành phố Dĩ An), tỉnh B Dương vào ngày 03/11/2007 theo giấy chứng nhận kết hôn số 269 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Quá trình tổ tụng, bà L xác định trong cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn cụ thể là do ông B không chịu làm việc, thường xuyên uống rượu, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Quá trình tố tụng, Tòa án triệu tập ông B đến Tòa án để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng, có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà L và cung cấp chứng cứ liên quan đến vụ án nhưng ông B không đến. Điều này chứng tỏ bản thân ông B cũng không muốn vợ chồng có cơ hội để đoàn tụ với nhau, còn bà L xác định không còn tình cảm với ông B, hiện vợ chồng ông, bà ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà L yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Quá trình chung sống ông, bà có 01 con chung là cháu Bùi Thái T, sinh ngày 19/7/2008. Hiện con chung đang sống cùng với bà L. Việc giao con cho ai nuôi phải bảo đảm quyền lợi của con chưa thành niên. Xét thấy, trong suốt quá trình tố tụng ông B không có ý kiến thể hiện nguyện vọng mong muốn nuôi con chung hay không, hơn nữa trong khoảng thời gian hai vợ chồng không sống chung với nhau thì con chung do bà L nuôi dưỡng, để tránh làm xáo trộn cuộc sống của cháu T nên cần tiếp tục giao cháu T cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, điều này cũng đúng với nguyện vọng của cháu T. Do đó, bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là phù hợp.

Về cấp dưỡng: Bà Bùi Thị L tự nguyện không yêu cầu ông Bùi Thái B cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của bà L nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Bùi Thị L không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[3] Từ những phân tích trên có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp với quan điểm của Tòa án nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bùi Thị L phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân

và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị L được ly hôn với ông Bùi Thái B (Giấy chứng nhận kết hôn số 269 do Ủy ban nhân dân thị trấn Dĩ An, huyện Dĩ An (nay là phường Dĩ An, thành phố Dĩ An), tỉnh B Dương cấp ngày 03/11/2007).

2. Về con chung: Ông Bùi Thái B có trách nhiệm giao con chung là cháu Bùi Thái T, sinh ngày 19/7/2008 cho bà Bùi Thị L tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Bùi Thị L không yêu cầu ông Bùi Thái B cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, ông Bùi Thái B có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con. Bà Bùi Thị L không có quyền cản trở ông Bùi Thái B thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Bùi Thị L không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bùi Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000654 ngày 19/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh B Dương.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- UBND phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh B Dương;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thụy

